

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST
Ngày: 20-9-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản giữa bà H với
ông T, bà N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

Ông Ngô Phúc

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 159/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 157/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà L L H, sinh năm 1964

CMND số 350486297 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 30-5-2020

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp H T, xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang.

Có mặt tại phiên tòa.

2.Bị đơn: 1/ Ông N T T, sinh năm 1984

CMND số 351690039 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 03-5-2018

Có mặt tại phiên tòa

2/ Bà B T N, sinh năm 1984

CMND số 351497257 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 08-5-2018

Vắng mặt tại phiên tòa

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp H T, xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13-12-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L L H trình bày: Do chỗ quen biết là hàng xóm cách nhau 1 căn nhà, bà N bán thuốc tây, ông T là giáo viên nên:

Vào ngày 18-5-2021, bà có cho bà B T N vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay là 2 tháng, khi vay không làm biên nhận do chỗ quen biết. Bà N đóng lãi được 2 tháng, sau đó thì nợ tiền lãi cũng không trả lại vốn vay.

Vào ngày 09-8-2021, bà có cho ông N T T và bà B T N vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay là 2 tháng, mục đích vay tiền là để xây nhà, khi vay có lập “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” có ông T, bà N ký tên xác nhận nợ. Ông T và bà N đóng lãi được 2 tháng, sau đó thì nợ tiền lãi cũng không trả lại vốn vay.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét buộc ông N T T và bà B T N trả lại cho bà vốn vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Bà xin rút lại yêu cầu ông T và bà N trả lại bà vốn vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của khoản vay ngày 18-5-2021 và yêu cầu tính lãi của khoản vay ngày 09-8-2021.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà B T N, nhưng bà N vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ngày 24-6-2022 và ngày 30-6-2022, Tòa án đến nhà để ghi lời khai của bà B T N, nhưng bà N vắng mặt tại nhà. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà N.

Tại Bản tự khai ngày 10-01-2022 và tại phiên tòa, bị đơn ông N T T trình bày: Vợ ông là bà B T N có chơi qua lại với bà L L H tình nghĩa xóm làng, hay thường xuyên lại nhà ông chơi. Trong thời gian qua lại quen biết nhau giữa bà N và bà H có hỏi mượn tiền và chơi số với nhau rất nhiều lần, mỗi lần chơi lên đến hàng chục triệu, ông hoàn toàn không hay biết. Có lần bà H lại nhà ông nói bà N là có bà chị cho mượn số vốn làm ăn là 200.000.000 đồng, yêu cầu có người làm chứng xác nhận thì bà chị mới cho mượn, nên bàn tính với bà N. Do tin tưởng tình nghĩa nên đồng ý xác nhận là nhân chứng. Sau đó bà N vỡ nợ thì bà H nói là bà N có hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng và trả lãi được 2 tháng. Nói sửa chữa nhà là không đúng và yêu cầu ông phải trả lại số tiền trên. Ông có thương lượng với bà H với số tiền trên là hứa sẽ trả từ từ sau này, hiện tại thì không có. Hiện tại ông bán nhà đất trả hết cho người ta, ông không còn tài sản gì để trả cho bà H, rất mong tòa án giải quyết cho ông. Tại

phiên tòa ông đồng ý trả dần mỗi tháng 500.000 đồng kể từ ngày 01-01-2023 cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại nguyên đơn vốn vay là 200.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Hoa yêu cầu ông T, bà N trả lại bà Hoa vốn vay 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 18-5-2021 và yêu cầu tính lãi của khoản vay ngày 09-8-2021. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn bà B T N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn bà N vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn bà N.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào đơn khởi kiện. Đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ địa chỉ bị đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[5] *Về thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09-8-2021*” do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận. Ngày 13-12-2021, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện (Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm).

[6] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09-8-2021*” do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận;

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 13-12-2021;

Căn cứ Bản tự khai của bị đơn ông N T T ngày 10-01-2022,

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận, vào ngày 09-8-2021 giữa nguyên đơn bà H và bị đơn ông T, bà N có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 200.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 09-8-2021 đến ngày 09-10-2021, có thỏa thuận tính lãi, nhưng không thỏa thuận lãi suất; mục đích vay tiền là xây nhà; khi vay có lập “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09-8-2021*” có ông T, bà N ký tên xác nhận nợ. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông T xác nhận chữ ký tên và viết tên trong “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09-8-2021*” là của ông T và bà N; tuy nhiên ông T cho rằng chỉ ký tên người làm chứng; ông T có thương lượng với bà H với số tiền trên là hứa sẽ trả từ từ sau này; tại phiên tòa ông T đồng ý trả dần mỗi tháng 500.000 đồng kể từ ngày 01-01-2023 cho đến khi hết nợ, bà H không đồng ý dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng vay tài sản được xác lập ngày 09-8-2021, giữa nguyên đơn với bị đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì hợp đồng hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

[6.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[6.1.1] *Đối với yêu cầu trả lại vốn vay:* Do hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng vay có kỳ hạn; nguyên đơn đã giao đủ tiền cho bị đơn, đến hạn trả nợ bị đơn không trả lại vốn vay cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn có yêu cầu nhận lại vốn vay. Tại Bản tự khai ngày 10-01-2022, bị đơn ông T trình bày có thương lượng với bà H với số tiền trên là hứa sẽ trả từ từ sau này và tại phiên tòa ông T đồng ý trả dần mỗi tháng 500.000 đồng kể từ ngày 01-01-2023 cho đến khi hết nợ. Xét quan hệ tranh chấp trên bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả lại vốn vay khi đến hạn. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 463, 465, 466 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại một lần vốn vay là 200.000.000 đồng là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.1.2] *Đối với việc nguyên đơn bà H xin rút lại yêu cầu bị đơn ông T và bà N trả lại vốn vay 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 18-5-2021 và yêu cầu tính lãi của khoản vay ngày 09-8-2021:* Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông T và bà N trả lại cho bà H vốn vay 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 18-5-2021 và yêu cầu tính lãi của khoản vay ngày 09-8-2021.

[6.2] *Xét yêu cầu của bị đơn ông N T T cho rằng không có vay tiền của nguyên đơn, nhưng bà N có vay nên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng kể từ ngày 01-01-2023 cho đến khi hết nợ:* Ông T cho rằng chỉ ký tên

người làm chứng; ông T có thương lượng với bà H với số tiền trên là hứa sẽ trả từ từ sau này, tại phiên tòa bị đơn ông T yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, không được nguyên đơn chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy bà N vay tiền nhằm mục đích xây nhà, tuy ông T chỉ ký tên là người làm chứng, nhưng đây là khoản nợ chung do phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình trong thời kỳ hôn nhân. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468 và 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì yêu cầu của bị đơn ông T không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 200.000.000 đồng, nên bị đơn phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự,

Nguyên đơn bà H, bị đơn ông T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20-9-2022).

Bị đơn bà N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; khoản 2 Điều 244; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 429, 463, 465, 466, 468, 470 Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L L H.

[2] Buộc bị đơn ông N T T và bà B T N phải trả cho nguyên đơn bà L L H số tiền còn nợ là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn bà L L H đối với yêu cầu ông N T T và bà B T N trả lại cho bà H vốn vay 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 18-5-2021 và yêu cầu tính lãi của khoản vay ngày 09-8-2021.

[5] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn bà L L H 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003011 ngày 10-3-2022 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông N T T và bà B T N phải chịu 10.000.000đ (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà L L H; bị đơn ông N T T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20-9-2022).

Bị đơn bà B T N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An

Lý Đông Hoà

Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án.